

Bản án số: 60/2025/DS-ST
Ngày: 27-5-2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng
sử dụng thẻ tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1/- Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

2/- Bà Lê Thị Xuân Mai

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thùy Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 5 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 693/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2025/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 177/2025/QĐST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng NTVN

Trụ sở: Số 198 TQK, Phường TTT, quận HK, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: Ông LVH. (Theo Giấy ủy quyền số 217/UQ-NTVN-PC ngày 12/3/2024 và Giấy ủy quyền số 252/TĐN-MĐC ngày 17/7/2024).

(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ liên lạc: Số 72 PNT, Phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông NKT, sinh năm 2000 **(Vắng mặt)**

Địa chỉ thường trú: Số 2003 thôn TP, xã BN, huyện PR, tỉnh BP.

Địa chỉ cư trú: Số 66, đường HB, Khu phố 28, phường HBC, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 30/01/2024, Đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung đề ngày 07/6/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng NTVN có ông LVH là Người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 15/8/2022, Ngân hàng NTVN - Chi nhánh TĐ đã ký Hợp đồng và phát hành 01 thẻ tín dụng Quốc tế V JCB có tài khoản thẻ số J03702073118, loại thẻ cá nhân tín chấp cho ông NKT với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng.

Thẻ tín dụng Quốc tế trên được ông NKT sử dụng để chi tiêu, thanh toán được một phần và sau đó không thanh toán sao kê nhiều kỳ cho Ngân hàng. Tổng số tiền đã nợ trong việc sử dụng trên tính đến ngày 07/04/2025 là 13.786.652 (*Mười ba triệu, bảy trăm tám mươi sáu nghìn, sáu trăm năm mươi hai*) đồng, trong đó:

- Nợ gốc là: 9.898.000 (*Chín triệu, tám trăm chín mươi tám nghìn*) đồng;

- Lãi và phí: 3.888.652 (*Ba triệu, tám trăm tám mươi tám nghìn, sáu trăm năm mươi hai*) đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần gửi công văn, liên hệ bằng điện thoại nhưng ông NKT né tránh, không gặp mặt và không có thiện chí thanh toán.

Hiện tại, khoản nợ thẻ tín dụng trên của ông NKT đã quá hạn, ông NKT đã vi phạm hợp đồng vì không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn mặc dù Ngân hàng đã đôn đốc, nhắc nhở nhiều lần.

Nay, Ngân hàng yêu cầu Tòa buộc ông NKT trả cho Ngân hàng toàn bộ nợ gốc, nợ lãi và phí là 13.786.652 (*Mười ba triệu, bảy trăm tám mươi sáu nghìn, sáu trăm năm mươi hai*) đồng, tạm tính đến hết ngày 07/4/2025 và toàn bộ các khoản lãi, phí phạt nợ quá hạn, phí phát sinh cho đến khi ông NKT thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn Ngân hàng NTVN có ông LVH là Người đại diện theo ủy quyền: Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn ông NKT: Vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Tòa án nhân dân Quận 3, quá trình giải quyết, thu thập chứng cứ và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án, nhận thấy bị đơn ông NKT không thực hiện đúng thỏa thuận tại giấy “Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V kèm hợp đồng” đã được V **phê duyệt ngày 15/8/2022**. Nguyên đơn Ngân hàng NTVN khởi kiện bị đơn ông NKT là có cơ sở. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn Ngân hàng NTVN khởi kiện bị đơn ông NKT phải có trách nhiệm thanh toán số nợ do sử dụng **thẻ tín dụng quốc tế V JCB** theo giấy “Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V kiêm hợp đồng” đã được V **phê duyệt ngày 15/8/2022**, nên đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền: Nguyên đơn Ngân hàng NTVN yêu cầu Tòa án buộc **ông NKT** phải trả cho V số tiền nợ gốc và nợ lãi phát sinh từ giấy “Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V kiêm hợp đồng” đã được V **phê duyệt ngày 15/8/2022** và do tranh chấp phát sinh từ hoạt động của chi nhánh TD có địa chỉ hoạt động tại Quận 3 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận B, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Về thủ tục xét xử vắng mặt:

[1.3.1]. Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 27/5/2025, nguyên đơn Ngân hàng NTVN có ông LVH là Người đại diện theo ủy quyền xác định: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa buộc ông NKT phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho V toàn bộ số tiền nợ tính đến thời điểm xét xử (tạm tính đến hết ngày **27/5/2025**) là 15.037.269 (*Mười lăm triệu, không trăm ba mươi bảy nghìn, hai trăm sáu mươi chín*) đồng, trong đó: Tiền nợ gốc là 9.898.000 đồng; tiền nợ lãi trong hạn chưa trả là 1.830.556 đồng; tiền lãi/phí quá hạn là 3.308.713 đồng. Việc trả tiền phải thực hiện một lần khi quyết định hoặc bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, ông NKT còn phải tiếp tục chịu tiền lãi, phí phát sinh trên số dư nợ gốc kể từ ngày **28/5/2025** theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng **ngày 15/8/2022** cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ cho V. Vì đây là khoản vay tiêu dùng cá nhân nên V chỉ yêu cầu cá nhân ông NKT là người vay có trách nhiệm thanh toán khoản nợ trên cho V. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, điểm a khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vắng mặt Nguyên đơn.

[1.3.2]. Bị đơn ông NKT đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt cũng như không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn cho đến nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Quận 3 tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn.

[2]. Về yêu cầu của Nguyên đơn:

Căn cứ giấy “Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V kiêm hợp đồng” đã được V **phê duyệt ngày 15/8/2022** thì giữa chủ thẻ chính là ông NKT và bên phát hành thẻ là V có thỏa thuận việc cấp và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế **V JCB**

với hạn mức sử dụng là **10.000.000** đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất trong hạn là **17%/năm**.

Theo Bảng sao kê thanh toán thẻ hàng tháng của ông NKT do V cung cấp thì sau khi được cấp thẻ tín dụng ngày **15/8/2022** thì ông Phương đã kích hoạt thẻ và bắt đầu sử dụng từ đó cho đến ngày **01/7/2024** và có thanh toán đều cho V đến **30/7/2024** thì ngưng thanh toán. Do ông Thương vi phạm nghĩa vụ thanh toán từ kỳ sao kê ngày 15/7/2024 nên V đã chuyển dư nợ sang nợ quá hạn kể từ đó, ngày 15/7/2024 V đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và khóa thẻ của ông Thương, theo điểm y khoản 3.1 Điều 3 và khoản 6.3, 6.4 Điều 6 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế V (áp dụng cho khách hàng cá nhân). Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến ngày 27/5/2025, ông Thương đã nợ V tổng số tiền là 15.037.269 (*Mười lăm triệu, không trăm ba mươi bảy nghìn, hai trăm sáu mươi chín*) đồng, trong đó: Tiền nợ gốc là 9.898.000 đồng; tiền lãi là 1.830.556 đồng; tiền lãi/phí quá hạn là 3.308.713 đồng.

Thứ tự ưu tiên thanh toán nợ áp dụng theo khoản 1 Điều 4 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế V: “*Thứ tự ưu tiên thanh toán nợ: ... Phí thường niên, phí phạt (phí vượt hạn mức, phí không thanh toán đủ số tiền thanh toán tối thiểu), phí chuyển đổi trả góp, lãi của giao dịch rút tiền mặt, lãi của các giao dịch chi tiêu, phí rút tiền mặt, phí dịch vụ, các giao dịch rút tiền mặt, khoản trả góp định kỳ, các giao dịch chi tiêu và theo thứ tự ngày các giao dịch này được cập nhật vào hệ thống của Ngân hàng...*”

Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;...*”

Theo quy định tại “Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế V” kèm theo giấy “Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V kèm hợp đồng”:

- **Tại điểm o, p, q, r khoản 2 Điều 2** quy định về nghĩa vụ của Chủ thẻ như sau:

“o. Hàng tháng, Ngân hàng tự động gửi sao kê cho Chủ thẻ theo địa chỉ hòm thư điện tử mà Chủ thẻ đã đăng ký với Ngân hàng và địa chỉ bưu điện nếu Chủ thẻ đăng ký nhận sao kê giấy. Trong trường hợp Chủ thẻ không nhận được sao kê hoặc chậm nhận được sao kê, Chủ thẻ vẫn có trách nhiệm thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Ngân hàng các Giao dịch Thẻ, lãi và phí phát sinh trong kỳ...

p. Chịu trách nhiệm kiểm tra tính chính xác của nội dung ghi trên sao kê. Trong trường hợp có thắc mắc về bất kỳ giao dịch nào trong Sao kê Thẻ, Chủ thẻ phải thông báo cho Ngân hàng bằng văn bản (qua các điểm giao dịch của Ngân hàng) hoặc qua Hotline 24/7 của Ngân hàng các thắc mắc của mình liên quan đến các giao dịch trong vòng **60 ngày** kể từ ngày phát sinh giao dịch...

q. Chịu trách nhiệm kiểm tra và thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho Ngân hàng các Giao dịch Thẻ, phí và lãi phát sinh theo quy định của Ngân hàng về việc sử dụng Thẻ.

r. Trường hợp Chủ thẻ đăng ký trích nợ tự động theo các hình thức do Ngân hàng quy định, bằng Hợp đồng này, Chủ thẻ đồng ý cho Ngân hàng được chủ động trích (ghi nợ), tiền từ tài khoản thanh toán của Chủ thẻ mở tại Ngân hàng hoặc tài khoản của ác nhân khác mở tại Ngân hàng nếu được sự đồng ý bằng văn bản của chủ tài khoản đó để thanh toán Số dư sao kê theo đăng ký trích nợ tự động của Chủ thẻ. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, Chủ thẻ phải đảm bảo tài khoản đăng ký này luôn đủ số dư cần thiết để Ngân hàng ghi nợ hàng ngày (đối với hình thức đăng ký trích nợ tự động hàng ngày) hoặc từ Ngày sao kê đến Ngày đề nghị thanh toán (đối với hình thức đăng ký trích nợ tự động hàng tháng).

Đối với hình thức trích nợ tự động hàng tháng, Ngân hàng được quyền trích nợ tự động toàn bộ số dư sao kê hoặc số dư sao kê theo đăng ký của Chủ thẻ với Ngân hàng từ Tài khoản đăng ký vào bất kỳ thời điểm nào từ Ngày sao kê đến Ngày đề nghị thanh toán. Nếu trong khoảng thời gian nói trên số dư trong Tài khoản đăng ký không đủ để Ngân hàng trích (ghi nợ) số dư sao kê theo đăng ký của Chủ thẻ với Ngân hàng, Chủ thẻ đồng ý cho Ngân hàng được quyền trích (ghi nợ) bổ sung số tiền còn thiếu so với số tiền chủ thẻ đã đăng ký trích nợ tự động và Chủ thẻ phải chịu các khoản phí, lãi phát sinh được quy định theo biểu phí và lãi suất do Ngân hàng công bố trên Trang thông tin điện tử chính thức của Ngân hàng trong từng thời kỳ và phù hợp với quy định của pháp luật.”

- Tại **điểm b, d, f, g, n, y khoản 1 Điều 3** quy định quyền của Ngân hàng như sau:

“b. Được quyền thu giữ Thẻ bằng cách thông báo việc thu hồi này cho Chủ thẻ hoặc thông qua các TCTTT hoặc ĐVCNT trong các trường hợp quy định tại Điều 6 của Hợp đồng này.

d. Được quyền yêu cầu Chủ thẻ thanh toán đầy đủ, đúng hạn các Giao dịch thẻ và các khoản lãi, phí liên quan (nếu có).

f. Được quyền chuyển dư nợ Thẻ của Chủ thẻ thành nợ quá hạn và thực hiện phân loại nợ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong trường hợp Chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán không đủ Số tiền thanh toán tối thiểu vào Ngày đến hạn.

g. Trường hợp Chủ thẻ không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, đúng hạn cho Ngân hàng theo quy định, Chủ thẻ đồng ý cho Ngân hàng được quyền:

+ Thu nợ từ nguồn lương, thu nhập của Chủ thẻ hay từ cơ quan, đơn vị công tác của Chủ thẻ, và/hoặc tài sản bảo đảm của Chủ thẻ, và/hoặc từ bên bảo lãnh, và/hoặc các tài khoản thanh toán, sổ tiết kiệm, giấy tờ có giá, và/hoặc bất cứ tài sản nào khác của Chủ thẻ mà không cần có xác nhận của Chủ thẻ.

+ Ngân hàng được chủ động trích nợ từ tài khoản tiền gửi hoặc rút tiền từ sổ tiết kiệm của Chủ thẻ tại Ngân hàng để thanh toán các khoản nợ phát sinh. Khi đó, tài khoản hoặc sổ tiết kiệm đó được coi là không kỳ hạn theo quy định của NHNN. Ngân hàng được quyền lập ủy nhiệm thu yêu cầu các Ngân hàng mở tài khoản cho Chủ thẻ trích tiền để thu hồi nợ gốc, lãi trong trường hợp các khoản nợ gốc, nợ lãi của Chủ thẻ bị chuyển sang nợ quá hạn, nợ lãi quá hạn.

+ Ngân hàng được quyền chấm dứt việc sử dụng Thẻ đồng thời với việc chấm dứt Hợp đồng này và/hoặc thực hiện các biện pháp khác theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ (gốc, nợ lãi, phí và chi phí phát sinh liên quan) của Chủ thẻ.

n. Được quyền quy định thời hạn hiệu lực của Thẻ trong từng thời kỳ...

y. Được quyền đơn phương chấm dứt việc sử dụng thẻ đồng thời với việc chấm dứt Hợp đồng này trong các trường hợp sau:

+ Chủ thẻ vi phạm các quy định về việc phát hành và sử dụng thẻ của Ngân hàng, hoặc vi phạm các quy định của pháp luật, Ngân hàng Nhà nước, TCTQT trong việc sử dụng thẻ; ... ”

- Tại **khoản 3 và khoản 4 Điều 6** quy định đổi, phát hành lại và chấm dứt sử dụng thẻ như sau:

“3. Khi chấm dứt việc sử dụng Thẻ theo yêu cầu của Ngân hàng hay theo yêu cầu của Chủ thẻ hoặc hết thời hạn sử dụng Thẻ; hoặc có sự thay đổi của Chủ thẻ liên quan đến điều kiện phát hành thẻ nhưng Chủ thẻ không làm thủ tục để tiếp tục sử dụng thẻ thì toàn bộ số dư còn lại trên tài khoản thẻ sẽ đến hạn và Chủ thẻ có trách nhiệm thanh toán mọi giao dịch Thẻ, phí và lãi phát sinh tới thời điểm đó...”

4. Ngân hàng được quyền thu hồi hoặc khóa Thẻ của Chủ thẻ trong những trường hợp sau:

+ Sau ngày đến hạn, Chủ thẻ không trả hoặc không trả đủ số tiền thanh toán tối thiểu; ...

+ Chủ thẻ vi phạm nghĩa vụ trả nợ (bao gồm nợ gốc, lãi, phí và các phí khác phát sinh) với Ngân hàng và/hoặc với bất kỳ tổ chức tín dụng nào khác;...”

Mặt khác, tại Điều 5 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 (nay là Điều 5 Thông tư số 18/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024) của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về phí dịch vụ thẻ thì đều quy định: Chỉ TCPHT được thu phí của chủ thẻ. TCPHT thu phí theo Biểu phí dịch vụ thẻ của tổ chức mình và không được thu thêm bất kỳ loại phí nào ngoài Biểu phí đã công bố. Biểu phí dịch vụ thẻ phải nêu rõ các loại phí, mức phí áp dụng cho từng loại thẻ và dịch vụ thẻ. Biểu phí dịch vụ thẻ của TCPHT phải phù hợp với quy định của pháp luật, được niêm yết công khai và phải cung cấp cho chủ thẻ trước khi sử dụng và khi có sự thay đổi...

V đã thực hiện thông báo số tiền nợ sao kê thẻ cho ông Thương thông qua Thông báo chậm trả thẻ ngày 17/7/2024 bằng nhiều phương thức như gửi tin nhắn qua điện thoại của ông Thương, gửi thông báo trên app của V đồng thời gửi văn bản qua đường bưu điện theo địa chỉ mà ông Phương đã cung cấp tại giấy “Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V kèm hợp đồng” trước khi V thực hiện việc khởi kiện ông Thương tại Tòa.

Từ những căn cứ trên, xét yêu cầu của V yêu cầu Tòa buộc ông NKT phải trả cho V số tiền là 15.037.269 (Mười lăm triệu, không trăm ba mươi bảy nghìn, hai trăm sáu mươi chín) đồng làm một lần ngay khi bản án của Tòa có

hiệu lực pháp luật, trong đó tiền nợ gốc là 9.898.000 đồng; tiền lãi là 1.830.556 đồng; tiền lãi/phí quá hạn là 3.308.713 đồng, là có cơ sở nghĩ nên chấp nhận.

Ngoài ra, ông NKT còn phải tiếp tục chịu tiền lãi, phí phát sinh trên số dư nợ gốc kể từ ngày 28/5/2025 theo mức lãi suất thỏa thuận tại giấy “Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V kiêm hợp đồng” ngày 15/8/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền nợ cho V. Vì là khoản vay tiêu dùng cá nhân nên ghi nhận việc V chỉ yêu cầu cá nhân ông NKT là người vay có trách nhiệm thanh toán khoản nợ trên cho V là có cơ sở.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận nên Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a và điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 463, khoản 1 Điều 466, b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Áp dụng Điều 5 Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng;

- Áp dụng Điều 5 Thông tư số 18/2024/TT-NHNN ngày 28/6/2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng;

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/20219/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo);

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2014.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng NTVN:

Buộc ông NKT phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng NTVN tổng số tiền nợ còn thiếu tạm tính đến ngày 27/5/2025 là 15.037.269 (Mười lăm triệu, không trăm ba mươi bảy nghìn, hai trăm sáu mươi chín) đồng làm một lần ngay khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật, trong đó tiền nợ gốc là 9.898.000 đồng; tiền lãi là 1.830.556 đồng; tiền lãi/phí quá hạn là 3.308.713 đồng.

Kể từ ngày **28/5/2025**, ông NKT còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phí phát sinh được tính theo giấy “Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế V kiem hợp đồng” đã được V **phê duyệt ngày 15/8/2022** cho đến khi thanh toán xong nợ.

2/. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông NKT phải chịu **751.863** (*Bảy trăm năm mươi một nghìn, tám trăm sáu mươi ba*) đồng.

Trả lại cho Ngân hàng NTVN số tiền 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0021332 ngày 15/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận B;
- THADS Quận B;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Ánh Phượng